

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2025/HC-PT

Ngày 25 – 02 – 2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 411/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 411/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2025/QĐPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1946; bà Lê Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ thường trú: số B đường T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Đức M1, sinh năm 1957; Địa chỉ thường trú: số B đường T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Toàn T, sinh năm 1953; Địa chỉ thường trú: số A đường L, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị Minh T1, sinh năm 1958; Địa chỉ thường trú: số A đường L, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: E Q, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Toàn K, sinh năm 1975; Địa chỉ thường trú: 1 D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa

chỉ liên lạc: E đường Q, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số công chứng 015075, quyền số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/10/2022 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh P, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 2729/GUQ-UBND ngày 01/4/2024 và Giấy ủy quyền số 7255/GUQ-UBND ngày 13/8/2024) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Đinh Minh Q, chức vụ Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Lê Văn A, chức vụ Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ công chức địa chính nông nghiệp xây dựng và môi trường Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà Lê Toàn T.

- **Người kháng nghị:** Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, người khởi kiện trình bày:

Ông Lê Văn R và bà Trương Thị L có hai người con là Lê Văn Đ chết năm 2007 và bà Lê Thị Đ1 chết năm 1959.

Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1994) có chín người con gồm các ông bà Lê Thị M, Lê Thị H, Lê Đức M1, Lê Toàn T, Lê Thị Minh T1, Lê Na H1, Lê Minh H2 chết năm 1987, Lê Thị T3 chết năm 2018, Lê Phước Đ2 chết năm 1984.

Ông Đ được hưởng thừa kế của ông R số ruộng khoảng một mẫu rưỡi (trong đó có phần nhà hiện nay) tọa lạc tại địa chỉ 9, tỉnh lộ 2, ấp T, xã T, huyện C và phần đất ruộng kéo dài từ nhà đến Kênh Đ. Ngày 03/7/1998, ông Đ có sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 50 cao (tương đương 5000m²). Khi giao kết chuyển nhượng các bên không đo đạc đất. Ngoài ra, sau khi chuyển nhượng, phần đất còn lại vẫn do ông Đ quản lý trên đất có mộ của bà L, bà Đ1. Năm 2007, ông Đ mất vẫn chôn trên phần đất này không phải phần đất đã bán.

Vợ chồng ông Ú và bà M2 tự ý đăng ký, quản lý sử dụng phần đất này và không trả lại cho người khởi kiện. Những người khởi kiện có tranh chấp phần đất với ông Ú, bà M2 tại Ủy ban nhân dân xã T Thượng. Tại buổi làm việc ngày 25/10/2022, bà M2 có trình cho Ủy ban nhân dân xã xem qua một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy đỏ) và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy hồng) nhưng người khởi kiện không biết được thông tin cụ thể hai giấy chứng nhận nêu trên.

Ngày 01/11/2022, người khởi kiện có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện C và Phòng T đề nghị xác minh sự việc ông Ú bà M2 có được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất mộ và đã được chuyển đổi mục đích sang là đất ở và ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ hai giấy chứng nhận trên. Ngày 05/12/2022, tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, người khiếu nại đã có buổi làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân huyện C về những nội dung có liên quan. Ngày 08/3/2023, bà Lê Toàn Trung đại D cho những người khiếu nại có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị nhanh chóng giải quyết đơn khiếu nại ngày 01/11/2022.

Đến nay người khởi kiện chưa nhận được văn bản phản hồi nào từ Ủy ban nhân dân huyện C. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, bà Lê Thị M, bà Lê Thị H, ông Lê Đức M1, bà Lê Toàn T, bà Lê Thị Minh T1 nộp đơn đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái quy định của pháp luật.

Người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản như sau:

Theo đơn đề ngày 01/11/2022 do ông Đỗ Toàn K là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, bà Lê Thị H, ông Lê Đức M1, bà Lê Toàn T, bà Lê Thị Minh T1, với nội dung: “... Các ông bà nêu trên cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 433,434,435, tờ bản đồ số 27, xã T mà trên đất có 3 ngôi mộ là không đúng quy định, từ đó các ông bà nêu trên có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 (nhưng các ông bà nêu trên không có thông tin về sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận và thời điểm cấp giấy chứng nhận của ông Ú và bà M2...)”.

Ngày 05/12/2022, Phòng T huyện có biên bản làm việc với ông Đỗ Toàn K, trình bày như sau: “Phần đất yêu cầu giải quyết có diện tích khoảng 1.000m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 28, bộ địa chính xã T, huyện C... về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên thì tôi biết đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai cụ thể là ông Ú, bà M2 và cũng không biết sổ giấy đất và thời điểm cấp giấy đất năm nào thì không rõ. Do không có thông tin nên tôi không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất trên...”.

Do các ông bà nêu trên không cung cấp được thông tin, chứng cứ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 đối với phần đất nêu trên nên không đủ cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành văn bản số 11409/UBND-TNMT về trả lời đơn đề ngày 01/11/2022 cho ông Đỗ Toàn K và được tổng đạt qua đường bưu điện ngày 23/12/2022.

Ngày 31/3/2023 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành văn bản số 3393/UBND-TNMT trả lời đơn cho bà Lê Toàn T và được gửi tổng đạt qua đường bưu điện cùng ngày.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/6/2024 người khởi kiện có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án:

Tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật;

Hủy văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 về việc trả lời đơn của ông Đỗ Toàn K của Ủy ban nhân dân huyện C;

Hủy văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Lê Toàn T của Ủy ban nhân dân huyện C;

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 411/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái quy định pháp luật, hủy văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 về việc trả lời đơn của ông Đỗ Toàn K của Ủy ban nhân dân huyện C, hủy văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Lê Toàn T của Ủy ban nhân dân huyện C, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/09/2024, người khởi kiện bà Lê Toàn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 16/09/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 6805/QĐ-VKS-HC ngày 16/9/2024, với nội dung đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tuyên hủy văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 và văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bản án sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, không phù hợp với quy định Luật khiếu nại; khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về

quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng VKSND Thành phố Hồ Chí Minh:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Công văn số 11409 và Công văn số 3393: Quyết định kháng nghị cho rằng, trong trường hợp này Phó chủ tịch UBND huyện C ký văn bản là không đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục và hình thức ban hành văn bản là công văn vi phạm Luật Khiếu nại là không đúng, bởi vì: Hai Văn bản trên đều khẳng định, do người khiếu nại không cung cấp được thông tin, chứng cứ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ú, bà M2 nên không đủ cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Nghĩa là, Chủ tịch UBND huyện C không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của người khởi kiện. Do đó không cần tuân theo trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền ký văn bản theo quy định của Luật khiếu nại. Theo khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương thì Chủ tịch U cho Phó Chủ tịch UBND huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện. Vì vậy, Bản án sơ thẩm nhận định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Công văn số 11409 và Công văn số 3393 là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung của Công văn số 11409 và Công văn số 3393: Việc Chủ tịch UBND huyện C không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của người khởi kiện là không đúng, bởi vì: Đơn khiếu nại của người khởi kiện không thuộc một trong các trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại; Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Luật Khiếu nại, thì UBND huyện C phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ú, bà M2;

Tại Thông báo số 2545/TB-UBND ngày 21/11/2022 của UBND xã T, huyện C đã xác định phần diện tích tranh chấp thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1196 QSDĐ/2679/ĐG ngày 17/12/2001, thuộc các thửa 843, 905, 848, 849, 844, tờ bản đồ số 11 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), loại đất lúa màu đã được cấp cho ông Nguyễn Văn Ú, bà Biện Thị Mỹ. Như vậy, đã thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu của người khiếu nại, không thể yêu cầu người khiếu nại phải nộp giấy chứng nhận này. Quyết định kháng nghị về phần này là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bà T:

Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật. Xét thấy theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Luật khiếu nại năm 2011. Người khởi kiện khiếu nại yêu cầu thu

hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ú và bà M2 nhưng Chủ tịch UBND huyện C cho rằng người khiếu nại không cung cấp được thông tin cho yêu cầu của mình nên không thụ lý giải quyết khiếu nại. Do đơn khiếu nại chưa được thụ lý nên Chủ tịch UBND huyện C không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng. Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy Công văn số 11409 và Công văn số 3393; Buộc Chủ tịch UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật. Như phân tích trên, kháng cáo của bà T về nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T. Sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về hủy Công văn số 11409 và Công văn số 3393; Buộc Chủ tịch UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật; bác yêu cầu của người khởi kiện về tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện C là trái quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Toàn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức, nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị M, bà Lê Thị H, ông Lê Đức M1, bà Lê Toàn T, bà Lê Thị Minh T1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật, hủy văn bản trả lời đơn của Ủy ban nhân dân huyện C và buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính thuộc quan hệ tranh chấp về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, còn thời hiệu khởi kiện. Do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.3] Người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung ban hành quyết định:

[2.1.1] Đối với yêu cầu hủy văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 về việc trả lời đơn của ông Đỗ Toàn K của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 01/11/2022 ông Đỗ Toàn K đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M, bà Lê Toàn T, bà Lê Thị H, ông Lê Đức M1 và bà Lê Thị Minh T1 với nội dung đơn yêu cầu giải quyết thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 tại xã T, huyện C. Sau khi tiếp nhận đơn Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện thủ tục phân loại xử lý đơn, theo đó Ban tiếp công dân có văn bản số 1613/BTCD –XLD ngày 03/11/2022 chuyển đơn đến bộ phận có thẩm quyền để xem xét tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện C đơn. Ngày 05/12/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện C đã có buổi làm việc với ông K về nội dung yêu cầu trong đơn. Trong buổi làm việc ngày 05/12/2022, ông K yêu cầu giải quyết là thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 nhưng ông K không cung cấp được thông tin cũng như giấy chứng nhận của ông Ú, bà M2. Do đó, ngày 21/12/2022 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành công văn số 11409/UBND–TNMT trả lời đơn cho ông Đỗ Toàn K với nội dung “.... các ông bà nêu trên không cung cấp được các thông tin, chứng cứ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 đối với phần đất nêu trên. Do đó không đủ cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật...”. Như vậy, sau khi nhận đơn, Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn bằng văn bản số 1409/UBND –TNMT trả lời đơn cho ông Đỗ Toàn K là đúng quy định của pháp luật.

[2.1.2] Đối với văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Lê Toàn T của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 08/3/2023, bà Lê Toàn T gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện C nội dung đơn yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại ngày 01/11/2022. Sau khi nhận đơn ngày 31/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành văn bản số 3393/UBND- TNMT trả lời đơn cho bà T, nội dung “ ...Xét thấy, việc ông Lê Toàn T yêu cầu giải quyết đã được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết tại công văn số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C. Do đó đề nghị ông Lê Toàn T thực hiện theo văn bản nêu trên.... ”

Xét đơn khiếu nại ngày 01/11/2022 đã được trả lời bằng văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 và như đã phân tích ở trên, người khởi kiện chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người khiếu nại để có cơ sở thụ lý giải quyết đơn nên việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Lê Toàn T là có căn cứ. Mặt khác, sau buổi làm việc ngày 13/6/2024 tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện đã có Thông báo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C các tài liệu, chứng cứ đã nộp cho Tòa án, trong đó có cung cấp thông tin thửa đất và số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ú, bà M2 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (kèm theo bản sao Thông báo số 2545/TB-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã T Thượng về kết quả hòa giải tranh chấp đất đai giữa người khởi kiện và ông Nguyễn Văn Ú, bà Biện Thị M2).

Như vậy việc ban hành văn bản số 11409/UBND- TNMT và văn bản số 3393/UBND- TNMT của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng quy định của pháp luật.

[2.1.3] Đối với yêu cầu Tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Luật khiếu nại năm 2011 quy định “Giải quyết khiếu nại là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại”.

Người khởi kiện khiếu nại yêu cầu thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ú và bà Biện Thị M2 tại xã T, huyện C nhưng không cung cấp được thông tin cho yêu cầu của mình nên Ủy ban nhân dân huyện C chưa thụ lý đơn giải quyết khiếu nại. Do đơn khiếu nại chưa được thụ lý nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng, Ủy ban nhân dân huyện C khiếu nại bằng hình thức công văn và do Phó Chủ tịch ký là không đúng thẩm quyền và hình thức cũng như sai quy trình giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khiếu nại 2011 và khoản 2 Điều 105 và 106 Luật đất đai. Việc UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C không thụ lý giải quyết phản ánh, khiếu nại là vi phạm nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, do Ủy ban nhân dân huyện C chưa thụ lý đơn nên Ủy ban nhân dân huyện C (do Phó Chủ tịch ký) ban hành công văn trả lời cho công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ để có cơ sở Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết theo quy định.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm được tình tiết, chứng cứ gì mới. Do đó kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Toàn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Toàn T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

[1] Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Toàn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 411/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái quy định pháp luật, hủy văn bản số 11409/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 về việc trả lời đơn của ông Đỗ Toàn K của Ủy ban nhân dân huyện C, hủy văn bản số 3393/UBND-TNMT ngày 31/3/2023 về việc trả lời đơn của bà Lê Toàn T của Ủy ban nhân dân huyện C, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện công vụ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Toàn T được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (4)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (6), HS (2) T.19 (BA 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long